

Bản án số: 266/2020/HC-PT
Ngày 09 tháng 7 năm 2020
“*V/v: khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mươi

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 181/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1069/2020/QĐXX-PT ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Anh Trần Thế D, sinh năm 1985, địa chỉ ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre; Anh Trần Văn D1, sinh năm 1980, địa chỉ ấp 1, xã A, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Văn

L – Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Trần Thị D, sinh năm 1978; (vắng mặt)

3.2 Anh Trần Thế D, sinh năm 1985; (vắng mặt)

3.3 Anh Trần Quốc D2, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.4 Anh Trần Văn D1, sinh năm 1980; (có mặt)

3.5 Anh Trần Văn D3, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D, anh D2, anh D3: Anh Trần Thế D, sinh năm 1985, địa chỉ ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre; anh Trần Văn D1, sinh năm 1980, địa chỉ ấp 1, xã A, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.6 Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1937 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ch: Anh Lê Văn H, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trần Thế D và anh Trần Văn D1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị D, anh Trần Quốc D2, anh Trần Văn D3) trình bày:

Ông Trần Văn D4 (chết năm 2014) là chồng bà Trần Thị T, là cha của chị D, anh D1, anh D2, anh D3, anh D. Hộ gia đình ông D4 có các thửa đất 134, 101 tờ bản đồ số 4 và thửa đất 108, 589, 109 tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Các thửa đất này ông D4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 ngày 12/02/1997. Gia đình các anh sử dụng ổn định phân đất nói trên từ trước đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Trong thửa 109 có phần diện tích khoảng 200m² cha các anh cho bà Trần Thị Ch (cô ruột các anh) ở nhờ và bà Ch đã xây cất nhà trên đất để ở. Đây là đất của gia đình anh không phải đất của bà Ch nhưng đến ngày 11/10/2016 UBND huyện B ban hành quyết định 1800/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 của hộ ông Trần Văn D4. Bà T (mẹ các anh) đã làm đơn khiếu nại quyết định nói trên và được Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 theo đó bác toàn bộ khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, đến ngày 25/9/2017 Chủ tịch

UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2263/QĐ-UBND quyết định không công nhận khiếu nại của bà T, công nhận quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện B và quyết định 1800/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND huyện B. Sau đó, bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, trong quá trình giải quyết thì Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại và UBND huyện B thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D4. Do đối tượng khởi kiện không còn nên bà T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi UBND thu hồi 03 quyết định nêu trên thì bà Ch di dời về ngôi nhà mới từ đầu năm 2017, còn ngôi nhà cũ trên thửa 109 dùng để kinh doanh dạy thêm.

Đến ngày 03/7/2019 bà T nhận được quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 của hộ ông Trần Văn D4, thường trú ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Lý do thu hồi: do ông D4 đã kê khai toàn bộ thửa đất 109 và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có diện tích khoảng 200m² đất của bà Ch cất nhà ở và sử dụng là chưa đúng quy định pháp luật. Nhận thấy quyết định của UBND huyện B là không đúng quy định pháp luật nên bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 của hộ ông Trần Văn D4, thường trú ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ý kiến số 2727/UBND-NC ngày 04/9/2019 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B— Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Diện tích 2.386m², đất ĐMR thửa đất số 109, tờ bản đồ số 7, xã P1 có nguồn gốc của ông bà để lại cho ông Trần Văn Ng (cha của bà Trần Thị Ch và ông Trần Văn D4). Trước đây bà Ch có chồng tại xã P2, sau đó thôi chồng về sống với cha mẹ ruột tại ấp P, xã P1. Khoảng năm 1959, ông Ng cho bà Ch phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc một phần thửa đất số 109, tờ bản đồ số 7 xã P1 để cất nhà khi cho chỉ nói miệng không có giấy tờ. Khoảng năm 1980, bà Ch cất nhà kiên cố, đến năm 2000 xây dựng nhà phụ. Hiện nay, bà Ch đã xây tường rào xung quanh nhà.

Năm 1995, Nhà nước đo đạc đất đai thành lập bản đồ địa chính, ông D4 kê khai đăng ký hết thửa đất này vào sổ mục kê đất đai xã P1. Ngày 12/02/1997, hộ ông Trần Văn D4 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 109.

Ngày 28/12/1998, ông Ng có viết tờ giấy cho phần đất đã cho bà Ch trước đây. Năm 2001, ông Ng chết, bà Ch tiếp tục ở trên phần đất có diện tích khoảng 200m² này. Sau khi ông D4 chết, bà Trần Thị T và các con của ông D4 không cho bà Ch ở trên phần đất này vì cho rằng phần đất này ông D4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/01/2016, bà Ch làm đơn khiếu nại yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D4 gửi đến UBND xã P1. Vụ việc đã được UBND xã P1 hòa giải nhưng không thành, hồ sơ được chuyển về huyện.

Ngày 12/5/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B mời bà Ch và bà T đến đối thoại nhưng bà T vắng mặt, hai con bà T là ông Trần Văn D1 và ông Trần Thế D đi thay. Tại buổi làm việc, bà Ch yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông D4 nhưng ông D2, ông D không đồng ý vì cho rằng ông Ng có cho bà Ch phần đất riêng, còn thửa 109 thì ông Ng cho ông D4.

Ngày 14/6/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B có tờ trình số 462/TTr-PNTMT, nội dung đề nghị UBND huyện B có văn bản chỉ đạo thanh tra huyện thẩm tra và kết luận cụ thể về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 109. Ngày 17/6/2016, UBND huyện ban hành Quyết định 1063/QĐ-UBND về việc giao thanh tra thẩm tra, xác minh vụ việc. Ngày 03/8/2016 thanh tra có kết luận số 51/KL-TT về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D4 có nội dung: Diện tích 2.386m² đất của ông Ng tại ấp P có một phần diện tích khoảng 200m² ông Ng đã cho bà Ch cất nhà ở và sử dụng từ năm 1959 đến nay (ngày 28/12/1998 ông Ng có làm giấy cho bà Ch phần đất này có hai người làm chứng và có xác nhận của UBND xã P1). Năm 1995, ông D4 kê khai hết diện tích thửa đất này vào sổ mục kê đất đai xã P1. Ngày 12/02/1997, hộ ông D4 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.386m², đất ĐRM, thửa 109, tờ bản đồ số 7, xã P1 là chưa đúng quy định pháp luật vì trong thửa đất này có một phần diện tích đất của bà Ch được ông Ng cho cất nhà ở ổn định từ năm 1959 đến nay.

Ngày 05/9/2016, UBND huyện B có Công văn số 2536/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D4. Đề nghị bà T trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký ban hành công văn này giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 thửa đất 109, tờ bản đồ số 7 cho UBND xã P1 chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục thu hồi nhưng hết thời hạn nêu trên bà T không mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến UBND xã nộp.

Do đó, ngày 11/10/2016, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1800/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-nhiên, khi nhận được quyết định này, bà T không đồng ý nên gửi đơn khiếu nại đến chủ tịch UBND huyện B. Ngày 19/01/2017 chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-UBND với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà T. Bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. Đến ngày 25/9/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2263/QĐ-UBND quyết định không công nhận khiếu nại của bà T, công nhận quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện B và quyết định 1800/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND huyện B.

Ngày 15/11/2018, UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 2487/QĐUBND về việc thu hồi Quyết định 2263/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre và hủy quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 23/11/2018, UBND huyện B ban hành định 2370/QĐ-UBND về việc thu hồi quyết định 1800/QĐ-UBND

ngày 11/10/2016 của UBND huyện B. Lý do: để xem xét giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2018, bà Ch tiếp tục có đơn khiếu nại yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D4 do cấp không đúng quy định. Vụ việc đã được cơ quan chuyên môn mời bà Ch và bà T đến làm việc nhưng hai bên không thỏa thuận được. Gia đình ông D2 không đồng ý tách quyền sử dụng phần đất bà Ch cất nhà ở trước nay nên bà Ch yêu cầu UBND huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D4.

Qua xem xét, ngày 25/6/2019 UBND huyện B ban hành Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 tại thửa 109, tờ bản đồ số 7, xã P1 do UBND huyện B cấp ngày 12/02/1997 cho hộ ông Trần Văn D4, thường trú ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đồng thời hướng dẫn gia đình bà T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa không bị thu hồi theo quy định pháp luật. Do đó, Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện B là đúng quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch trình bày:

Bà không đồng ý hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện B với lý do: Phần đất này có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha bà là ông Ng. Khoảng năm 1959, cha bà có cho bà phần đất khoảng 200m² đất thuộc thửa 109 để cất nhà và bà đã ở trên đất ổn định từ đó đến nay là khoảng 60 năm. Khoảng năm 1980 bà cất nhà kiên cố, hiện nay bà đã xây hàng rào xung quanh nhà. Trong quá trình sử dụng đất bà có đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Năm 1995 Nhà nước đo đạc thành lập bản đồ địa chính ông D4 là em ruột bà đã tự ý kê khai đăng ký phần đất của ông Ng kể cả phần đất của bà. Thời điểm này bà có kê khai đăng ký nhưng ông D4 đã kê khai rồi. Ngày 28/12/1998, cha bà có viết tờ giấy cho bà phần đất đang ở, có em bà là bà Trần Thị V và ông Lê Văn Ch chứng kiến. Năm 1999, địa chính xã xác minh và UBND xã P1 đã ký xác nhận vào tờ giấy cho đất của ông Ng. Bà cất nhà ở ổn định trên đất từ năm 1959 đến năm 2001 ông Ng chết thì bà vẫn tiếp tục ở trên phần đất này. Đến năm 2014, ông D4 chết. Sau khi ông D4 chết vợ của ông D4 và các con ông D4 không cho bà ở trên phần đất này nữa vì cho rằng ông D4 đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông D4 để tách phần đất bà đang ở ra cho bà.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 của hộ ông Trần Văn D4, thường trú ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Án sơ thẩm còn tuyên chi phí thu thập chứng cứ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/11/2019 đại diện ủy quyền của bà T làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 27/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định kháng nghị số 431/QĐ - VKS – HC kháng nghị toàn bộ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự cho thấy: Bà Trần Thị Ch và ông Trần Văn D4 là con của ông Trần Văn Ng, bà Ch được ông Ng cho diện tích đất 200m² và cất nhà ở từ năm 1959. Khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D4 được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 với diện tích 2.386m² trong đó có diện tích đất bà Ch đang ở, giấy này có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi ông Ng và ông D4 chết, vợ và con ông D4 mâu thuẫn với bà Ch nên bà Ch làm đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D4 để cấp mới cho bà 200m². Ủy ban nhân dân huyện B hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông D4 để điều chỉnh lại việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của người khởi kiện, người liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có căn cứ bởi vì:

[2.1] Xét về mối quan hệ gia đình: ông Trần Văn D4 (*chồng bà Trần Thị T*) với bà Trần Thị Ch là anh em ruột (*con ông Trần Văn Ng*) diện tích 2.386m² mà Ủy ban nhân dân huyện B năm 1997 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn D4 là của ông Trần Văn Ng để cho ông D4 đứng tên giấy với tư cách là hộ gia đình. Theo tờ trình số 77/TT - UBND ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã P1 và tờ trình số 462/TT- PTNMT ngày 14/6/2016 của Phòng tài nguyên môi trường huyện B xác định năm 1959 ông Ng đã cho bà Ch diện tích khoảng 200m² để bà Ch làm nhà.

Ngày 28/12/1998 ông Trần Văn Ng một lần nữa lại làm tờ giấy với nội dung “*Tôi Trần Văn Ng cho con tôi là Trần Thị Ch phần đất mà nó đang ở*” giấy cho đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P1. Ông Ng làm giấy cho đất bà Ch trong khi ông D4 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc này ông D4 còn sống nhưng ông D4 cũng không có phản đối việc cho của ông Ng. Sau khi ông D4 chết thì mới phát sinh tranh chấp.

[2.2] Tại kết luận thanh tra số 51/KL.TT ngày 03/8/2016 của Thanh tra huyện B kết luận: Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D4 với diện tích 2.386m² thuộc thửa 109 tờ bản đồ số 7 là có một phần diện tích đất của bà Ch được ông Ng cho cất nhà ở ổn định từ năm 1959 đến nay. Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2175/QĐ – UBND ngày 25/6/2019 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn D4 để điều chỉnh lại diện tích đất theo tỷ lệ giảm và cấp mới cho bà Ch 200m² là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.3] Nếu xét góc độ thừa kế: 2.386m² đất mà ông D4 đại diện hộ đứng tên trên giấy có nguồn gốc là của ông Ng tạo lập, do tuổi già và ông D4 là em trai nên ông Ng để ông D4 đứng tên trên giấy. Khi còn sống ông Ng đã cho con gái mình (bà Ch) và bà Ch đã cất nhà ở từ năm 1959. So với trên 2000m² hiện vợ ông D4 được hưởng thì 200m² cấp cho bà Ch cho thấy vợ con ông D4 được hưởng gấp nhiều lần so với bà Ch. Việc Ủy ban nhân dân huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D4 để điều chỉnh cấp cho bà Ch 200m² không chỉ căn cứ pháp luật đất đai mà đó còn là lẽ phải, công bằng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ y án sơ thẩm là phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm đối với bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tố tụng hành chính.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện ủy quyền người khởi kiện.

Giữ y án sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 105; điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000058 của hộ ông Trần Văn D4, thường trú tại ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn